TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ GIAO THÔNG VẬN TẢI

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ HỌC TẬP LỚP 66DCCD23
HỌC KỲ 2 - NĂM HỌC 2017-2018

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .				DC2CT65_An toàn lao động (2)		DC3DB68_Đồ án Thiết kế đường (1)		DC3CA66_Thiết kế cầu BTCT (3)		DC4CD26_Thực tập khảo sát cầu, đường (3)		DC4CT13_Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản (3)		DC3CD60_Tin học ứng dụng (2)		DC1CB35_Tiếng anh (3)																		Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																		975,000
1	66DCCD21301	NGUYỄN TRUNG	ANH	03/02/1997																																
2	66DCCD21466	VŨ HOÀNG	ANH	20/02/1997																																
3	65DCCD22796	Đỗ Minh	Anh	18/01/1995	|0.0	F	|1.8	F	|2.6	F	|7.8	B	|7.7	B	|4.4	D																			3	45,000
4	66DCCD21076	BÙI THANH	BÌNH	31/10/1997	|0.0	F	|1.5	F	|2.2	F	|6.4	C+	|7.8	B	|2.3	F	|5.4	D+																	4	60,000
5	66DCCD20983	ĐOÀN VĂN	CHẤP	17/08/1997																																
6	66DCCD21138	PHẠM NGỌC	CHUNG	23/12/1997	|2.2	F	|1.8	F	|2.3	F	|6.3	C+	|5.7	C	|2.6	F	|5.2	D+																	4	60,000
7	66DCCD21311	NGUYỄN TRÍ	CÔNG	29/03/1997																																
8	66DCCD21208	VŨ VĂN	CÔNG	02/02/1997	|7.0	B	|6.6	C+	|3.8	F	|7.7	B	|7.3	B	|6.5	C+	|5.0	D+																	1	15,000
9	66DCCD20996	ĐỖ ĐÌNH	CƯỜNG	07/10/1997																																
10	66DCCD20952	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	27/07/1996	|0.0	F	|1.5	F	|0.8	F	|7.9	B	|6.7	C+	|2.0	F	|0.0	F																	5	75,000
11	66DCCD21215	ĐOÀN TẤN	DŨNG	21/12/1997	|8.2	B+	|7.4	B	|6.0	C+	|6.3	C+	|7.1	B	|5.1	D+	|7.0	B																		
12	66DCCD21434	NGUYỄN TIẾN	DŨNG	13/08/1997	|6.1	C+	|6.7	C+	|3.0	F	|7.2	B	|6.6	C+	|4.0	D	|5.9	C																	1	15,000
13	66DCCD21247	HUỲNH QUANG	DUY	07/02/1997																																
14	66DCCD21507	NGUYỄN NGỌC	DƯƠNG	29/12/1997																																
15	66DCCD21108	PHẠM THÁI	DƯƠNG	23/07/1997	|0.0	F	|1.5	F	|5.8	C	|6.4	C+	|7.0	B	|1.5	F	|4.6	D																	3	45,000
16	66DCCD21016	ĐẶNG MINH	ĐỨC	25/02/1997	|7.3	B	|2.5	F	|5.9	C	|6.4	C+	|7.4	B	|5.3	D+	|4.8	D																	1	15,000
17	66DCCD20972	TRƯƠNG HUỲNH	ĐỨC	26/11/1997			|3.1	F	|7.3	B	|6.4	C+	|7.5	B	|5.1	D+																			1	15,000
18	66DCCD21516	NGUYỄN TUẤN	ĐẠT	31/01/1997	|7.0	B	|1.5	F	|5.9	C	|6.3	C+	|6.6	C+	|2.4	F	|5.2	D+																	2	30,000
19	66DCCD21291	NGUYỄN HỮU	GIANG	13/01/1997																																
20	66DCCD20951	PHẠM TRƯỜNG	GIANG	25/02/1997																																
21	66DCCD20928	NGUYỄN MINH	HẢI	30/07/1997	|6.6	C+	|1.8	F	|6.2	C+	|7.1	B	|7.3	B	|4.4	D	|5.3	D+																	1	15,000
22	66DCCD21019	ĐỖ VĂN	HIỂN	17/01/1997																																
23	66DCCD21249	TRỊNH XUÂN	HOÀI	26/10/1996	|7.1	B	|1.8	F	|4.7	D	|7.8	B	|6.8	C+	|2.5	F	|4.8	D																	2	30,000
24	66DCCD21225	LÊ HUY	HOÀNG	26/08/1997																																
25	66DCCD21309	LÊ TUẤN	HOÀNG	24/08/1997			|5.3	D+	|6.1	C+	|7.9	B	|7.0	B	|6.0	C+																				
26	66DCCD21054	NGUYỄN CAO	HOÀNG	08/09/1997	|0.0	F	|1.5	F	|4.7	D	|6.3	C+	|7.5	B	|2.2	F	|5.5	C																	3	45,000
27	66DCCD21065	PHẠM VIỆT	HOÀNG	16/11/1997	|7.5	B	|5.7	C	|3.9	F	|7.9	B	|6.4	C+	|4.2	D	|5.5	C																	1	15,000
28	66DCCD20935	NGUYỄN THỊ	HUẾ	27/01/1997	|7.7	B	|4.9	D	|5.7	C	|7.8	B	|7.7	B	|3.6	F	|4.9	D																	1	15,000
29	66DCCD21388	ĐỖ VĂN	HÙNG	20/09/1997	|7.8	B	|1.5	F	|6.1	C+	|7.0	B	|6.2	C+	|2.5	F	|4.8	D																	2	30,000
30	66DCCD21122	NGUYỄN VĂN	HUY	03/03/1997	|0.0	F	|1.5	F	|0.9	F	|7.8	B	|7.6	B	|2.1	F	|4.9	D																	4	60,000
31	66DCCD21346	TRẦN VĂN	KHOA	06/01/1997	|7.0	B	|6.4	C+	|4.7	D	|7.2	B	|7.5	B	|4.7	D	|5.4	D+																		

STT	HỌC PHẦNSINH VIÊN .			DC2CT65_An toàn lao động (2)		DC3DB68_Đồ án Thiết kế đường (1)		DC3CA66_Thiết kế cầu BTCT (3)		DC4CD26_Thực tập khảo sát cầu, đường (3)		DC4CT13_Thực tập kỹ thuật thi công cơ bản (3)		DC3CD60_Tin học ứng dụng (2)		DC1CB35_Tiếng anh (3)																				Tổng số HP thi lại	Tiền thi lại
	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ	TKHP	Chữ																				975,000
32	66DCCD20991	NGUYỄN TRUNG KIÊN	20/12/1997			|7.7	B	|7.6	B	|8.6	A	|8.6	A	|6.6	C+																						
33	66DCCD21399	TRẦN DUY KIÊN	03/11/1997	|8.2	B+	|9.4	A	|5.4	D+	|8.8	A	|8.7	A	|8.6	A	|6.6	C+																				
34	66DCCD20970	ĐẶNG THANH LÂM	06/09/1997	|5.9	C	|8.1	B+	|4.1	D	|8.8	A	|8.1	B+	|6.8	C+	|6.9	C+																				
35	66DCCD21267	PHẠM NGỌC LINH	31/03/1997																																
36	66DCCD21227	NGUYỄN PHI LONG	19/04/1996	|3.5	F	|6.7	C+	|7.0	B	|6.5	C+	|7.0	B	|5.6	C	|5.7	C																			1	15,000
37	66DCCD20993	LÊ ANH MINH	25/12/1997	|7.3	B	|3.2	F	|6.7	C+	|7.8	B	|6.9	C+	|5.3	D+	|5.7	C																			1	15,000
38	66DCCD21313	PHẠM CÔNG MINH	04/09/1997	|7.0	B	|5.3	D+	|6.8	C+	|6.5	C+	|6.6	C+	|8.0	B+	|5.3	D+																				
39	66DCCD21002	ĐINH CÔNG MẠNH	18/02/1997																																
40	66DCCD21184	PHẠM MINH NAM	04/12/1996	|7.8	B	|4.6	D	|8.2	B+	|7.8	B	|6.6	C+	|5.7	C	|5.6	C																				
41	66DCCD21371	NGUYỄN TRUNG NGHĨA	24/01/1997	|8.2	B+	|8.0	B+	|7.6	B	|7.2	B	|8.5	A	|6.5	C+	|7.2	B																				
42	66DCCD21039	ĐỖ NGỌC QUANG	03/01/1997	|6.3	C+	|7.3	B	|5.2	D+	|7.8	B	|6.6	C+	|4.5	D	|4.5	D																				
43	66DCCD21240	TRẦN TIẾN THÀNH	10/09/1997	|5.6	C	|8.7	A	|5.0	D+	|7.9	B	|7.2	B	|5.9	C	|5.3	D+																				
44	66DCCD20945	VÕ TUẤN THÀNH	13/12/1997	|6.5	C+	|9.4	A	|3.8	F	|8.8	A	|7.9	B	|7.9	B	|7.2	B																			1	15,000
45	66DCCD21287	NGUYỄN ĐỨC THẮM	01/02/1994	|1.5	F	|1.5	F	|2.0	F	|7.7	B	|7.0	B	|1.8	F	|0.0	F																			5	75,000
46	66DCCD20986	LÊ ANH THẮNG	28/07/1997																																
47	66DCCD21459	VŨ MINH THỊNH	13/10/1997	|7.2	B	|5.3	D+	|4.9	D	|7.9	B	|6.8	C+	|6.8	C+	|4.9	D																				
48	66DCCD21467	NGUYỄN VĂN THÔNG	03/04/1997	|6.1	C+	|7.7	B	|7.5	B	|8.6	A	|6.7	C+	|2.8	F	|6.5	C+																			1	15,000
49	66DCCD21461	NGUYỄN THỊ THƠM	31/12/1997																																
50	66DCCD21317	NGUYỄN CHUNG THỦY	25/03/1997	|8.6	A	|7.6	B	|7.1	B	|7.9	B	|7.6	B	|5.9	C	|5.3	D+																				
51	66DCCD21400	HOÀNG THỌ TIẾN	30/10/1997	|0.0	F	|1.8	F	|2.2	F	|6.4	C+	|6.9	C+	|1.5	F	|2.5	F																			5	75,000
52	66DCCD21340	VŨ NGỌC TIỀU	14/03/1997																																